



## Mục lục

---

### SỰ KIỆN

---

#### 3 NGUYỄN PHÚ TRỌNG:

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

---

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

---

#### 22 TẠ NGỌC TẤN:

Có một mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam

---

#### 27 NGUYỄN VĂN THẠO:

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta

---

**37 PHẠM VĂN LINH:**

**Gắn kinh tế với xã hội, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam**

---

**41 NGUYỄN VIỆT THÔNG:**

**Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

---

**48 TRẦN QUỐC TOÀN:**

**Đổi mới cách tiếp cận và phát triển tư duy sáng tạo trong nghiên cứu lý luận chính trị**

---

**56 NGUYỄN VĂN HÙNG:**

**Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - Nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

---

**64 TRẦN NGUYỄN TUYÊN:**

**Phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

---



# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2021) và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (ngày 23/5/2021), Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam có bài viết quan trọng: "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam".

Tòa soạn trân trọng giới thiệu toàn văn bài viết: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**C**hủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một đề tài lý luận và thực tiễn rất cơ bản, quan trọng, nội dung rất rộng lớn, phong phú và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc, tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, khoa học. Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin đề cập một số khía cạnh từ góc nhìn thực tiễn của Việt Nam. Và cũng chỉ tập trung vào trả lời

mấy câu hỏi: Chủ nghĩa xã hội là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì?

Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa xã hội thường được hiểu với ba tư cách: chủ nghĩa xã hội là một học thuyết; chủ nghĩa xã hội là một phong trào; chủ



*Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 \_ Ảnh: VGP*

nghĩa xã hội là một chế độ. Mỗi tư cách ấy lại có nhiều biểu hiện khác nhau, tùy theo thế giới quan và trình độ phát triển ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Chủ nghĩa xã hội đề cập ở đây là chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên học thuyết Mác - Lênin trong thời đại ngày nay. Vậy thì chúng ta phải định hình chủ nghĩa xã hội thế nào, và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm cụ thể ở Việt Nam?

Trước đây, khi còn Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa thế giới thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dường như không có gì phải bàn, nó mặc nhiên coi như đã được khẳng định. Nhưng từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội lại được đặt ra và trở thành tâm điểm thu hút mọi sự bàn thảo, thậm chí tranh luận

gay gắt. Các thế lực chống cộng, cơ hội chính trị thì hí hửng, vui mừng, thừa cơ dẫn tới để xuyên tạc, chống phá. Trong hàng ngũ cách mạng cũng có người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội, quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó họ cho rằng chúng ta đã chọn đường sai, cần phải đi con đường khác. Có người còn phụ họa với các luận điệu thù địch, công kích, bài bác chủ nghĩa xã hội, ca ngợi một

chiều chủ nghĩa tư bản. Thậm chí có người còn sám hối về một thời đã tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường xã hội chủ nghĩa! Thực tế có phải như vậy không? Thực tế có phải hiện nay chủ nghĩa tư bản, kể cả những nước tư bản chủ nghĩa già đời

vẫn đang phát triển tốt đẹp không? Có phải Việt Nam chúng ta đã chọn con đường đi sai không?

Chúng ta thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được

**Từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội lại được đặt ra và trở thành tâm điểm thu hút mọi sự bàn thảo, thậm chí tranh luận gay gắt. Các thế lực chống cộng, cơ hội chính trị thì hí hửng, vui mừng, thừa cơ dẫn tới để xuyên tạc, chống phá.**

nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ. Nhiều nước tư bản phát triển, trên cơ sở các điều kiện kinh tế cao và do kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã có những biện pháp điều chỉnh, hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiến bộ hơn so với trước. Từ giữa thập kỷ 70 và nhất là từ sau khi Liên Xô

tan rã, để thích ứng với điều kiện mới, chủ nghĩa tư bản thế giới đã ra sức tự điều chỉnh, thúc đẩy các chính sách “tự do mới” trên quy mô toàn cầu; và nhờ đó hiện vẫn còn tiềm năng phát triển.

Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những

mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Các cuộc khủng hoảng vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt là, năm 2008-2009 chúng ta đã chứng kiến cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra các trung tâm tư bản chủ nghĩa khác và tác động đến hầu hết các nước trên thế giới. Các nhà nước, các chính phủ tư sản ở Phương Tây đã bơm những lượng tiền khổng lồ để cứu các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia, các tổ hợp công nghiệp, tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, nhưng không mấy thành công.

Và hôm nay, chúng ta lại chứng kiến cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế đang diễn ra dưới tác động của đại dịch Covid-19 và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa: đời sống của đa số dân cư lao động bị giảm sút nghiêm trọng, thất nghiệp gia tăng; khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc.

Những tình huống “phát triển xấu,”

những nghịch lý “phản phát triển”, từ địa hạt kinh tế - tài chính đã tràn sang lĩnh vực xã hội, làm bùng nổ các xung đột xã hội, và ở không ít nơi từ tình huống kinh tế đã trở thành tình huống chính trị với các làn sóng biểu tình, bãi công, làm rung chuyển cả thể chế. Sự thật cho thấy, bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn và trong nhiều trường hợp còn gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho các nước nghèo; làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa lao động và tư bản toàn cầu. Sự thật đó cũng làm phá sản những lý thuyết kinh tế hay mô hình phát triển vốn xưa nay được coi là thời thượng, được không ít các chính khách tư sản ca ngợi, được các chuyên gia của họ coi là tối ưu, hợp lý.

Cùng với khủng hoảng kinh tế - tài chính là khủng hoảng năng lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái,... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu

của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của nó. Theo nhiều nhà khoa học phân tích, các cuộc khủng hoảng hiện nay không thể giải quyết được một cách triệt để trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa.

Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức “dân chủ tự do” mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ. Hệ thống quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn. Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân

số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào “99 chống lại 1” diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản. Sự rêu rao bình đẳng về quyền nhưng không kèm theo sự bình đẳng về điều kiện để thực hiện các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là hình thức, trống rỗng mà không thực chất. Trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át. Vì vậy mà tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là “tự do”, “dân chủ” dù có thể thay đổi chính phủ nhưng không thể thay đổi được các thế lực thống trị; đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản.

Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng

xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm.

Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi.

Như chúng ta đều biết, nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ hy sinh để chống

lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân với tinh thần “Không có gì quý hơn Độc lập Tự do.”

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc.

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.



Năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương: “Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa”.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù trên thế giới chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.”

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), chúng ta một lần nữa khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.”

Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Đó là điều mà chúng ta luôn luôn trăn trở, suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để từng bước hoàn thiện đường lối, quan điểm và tổ chức thực hiện, làm sao để vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; từng bước khắc phục một số quan niệm đơn giản trước đây như: đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ, không thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản...

Cho đến nay, mặc dù vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta đã hình thành

nhận thức tổng quát: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an

toàn xã hội; Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã

hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới.

Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển.

Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới.

Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam

lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ).

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có

vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành

tự, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao.

Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, do đó cần và có điều kiện để xây dựng sự đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội.

Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam.

Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên

các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội.

Chúng ta nhận thức rằng, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân.

Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam; không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo.

Nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng

định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam; Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Khi Đảng cầm quyền, lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của mình và do đó Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

Nói như vậy không có nghĩa là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, mà là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, vì giai cấp công nhân là giai cấp có lợi ích thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Đảng ta kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo bằng cương

lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ.

Ý thức được nguy cơ đối với đảng cầm quyền là tham nhũng, quan liêu, thoái hóa v.v..., nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hóa v.v... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Công cuộc đổi mới, trong đó có việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thực sự đem lại những thay đổi to lớn, rất tốt đẹp cho đất nước trong 35 năm qua.

Trước Đổi mới (năm 1986), Việt Nam vốn là một nước nghèo lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, để lại những hậu quả hết sức to lớn cả về người, về của và môi trường sinh thái.

Tôi chỉ nêu thí dụ, cho đến nay vẫn có hàng triệu người chịu các bệnh

hiếm nghèo và hàng trăm ngàn trẻ em bị dị tật bẩm sinh bởi tác động của chất độc da cam/dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam. Theo các chuyên gia, phải mất đến hơn 100 năm nữa Việt Nam mới có thể dọn sạch hết bom mìn còn sót lại sau chiến tranh.

Sau chiến tranh, Mỹ và phương Tây đã áp đặt cấm vận kinh tế với Việt Nam trong suốt gần 20 năm. Tình hình khu vực và quốc tế cũng diễn biến phức tạp, gây nhiều bất lợi cho chúng ta. Lương thực, hàng hóa nhu yếu phẩm hết sức thiếu thốn, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, khoảng 3/4 dân số sống dưới mức nghèo khổ.

Nhờ thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỷ đôla Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008.



Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Công nghiệp phát triển khá nhanh, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay chiếm khoảng 85% GDP. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỉ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỉ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỉ USD vào cuối năm 2020. Về cơ cấu nền kinh tế xét trên phương diện quan hệ sở hữu, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hiện nay gồm khoảng 27% từ kinh tế nhà nước, 4% từ kinh tế tập thể, 30% từ kinh tế hộ, 10% từ kinh tế tư nhân trong nước và 20% từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện dân số của Việt Nam là hơn 97 triệu người, gồm 54 dân tộc anh em, trong đó hơn 60% số dân sống ở nông thôn. Phát triển kinh tế đã giúp đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội những năm 80 và cải thiện đáng kể đời sống của nhân

dân. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước).

Đến nay, hơn 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm, có điện lưới quốc gia, trường tiểu học và trung học cơ sở, trạm y tế và điện thoại.

Trong khi chưa có điều kiện để bảo đảm giáo dục miễn phí cho mọi người ở tất cả các cấp, Việt Nam tập trung hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua.

Hiện nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Trong khi chưa thực hiện được việc bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho toàn dân, Việt Nam tập trung vào việc tăng cường y tế phòng ngừa, phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều dịch bệnh vốn phổ biến trước đây đã được khống chế thành công. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi



và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020.

Cũng nhờ kinh tế có bước phát triển nên chúng ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Đời sống văn hóa cũng được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hóa phát triển phong phú, đa dạng.

Hiện Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng Internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Thiên niên kỷ.

Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển.

**Việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng...**

Như vậy, có thể nói, việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được

củng cố.

Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) đã nhận định, sự nghiệp đổi mới đã giành được

“những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử.”

Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện.

Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế.

Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Mới đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng một lần nữa lại khẳng định và nhấn mạnh: “Qua 35

năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa.

Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 25-26).

Bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, chúng ta cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới trong quá trình phát triển đất nước.

Về kinh tế, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh còn thấp, thiếu bền vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; hiệu quả và năng lực của nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế; môi trường bị ô nhiễm tại nhiều nơi; công tác quản lý, điều tiết thị trường còn nhiều bất cập.

Trong khi đó, sự cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Về xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn không ít hạn chế; văn hóa, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch lại luôn tìm mọi thủ đoạn để can thiệp, chống phá, gây mất ổn định,

thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng ta nhận thức rằng, hiện nay Việt Nam đang trong quá trình xây dựng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh

**Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.**

với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế. Bên cạnh các mặt thành tựu, tích cực, sẽ luôn có những mặt tiêu cực, thách thức cần được xem xét một cách tỉnh táo và xử lý một cách kịp thời, hiệu quả. Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chú trọng hơn chất lượng và tăng tính bền vững với các khâu đột phá là: Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội (Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, trang 337-338).

Về xã hội, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hóa cho nhân dân. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, thực hiện tốt hơn nữa các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, nhằm làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử

thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội. Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.

Mặt khác, Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại.

Trong thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự

chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Và điều hết sức quan trọng là phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin - học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học.

Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống ■



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# CÓ MỘT MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM

● GS, TS TẠ NGỌC TẤN

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

**T**rong bài viết “Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đặt vấn đề “chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào?”. Để giải đáp câu hỏi đó, đồng chí Tổng Bí thư đã trình bày một cách cơ bản và khái quát những nhận thức mới nhất của Đảng ta về những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng. Để góp phần làm rõ thêm những nhận thức đó, trong bài viết này, chúng tôi xin được trao đổi một số ý kiến về những sáng tạo trong phát triển lý luận của Đảng ta để xây

dựng nên một mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam “vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam”.

Bất cứ một cuộc cách mạng xã hội nào, việc xác định mục tiêu và chọn đường để thực hiện mục tiêu bao giờ cũng là hai yếu tố gắn bó chặt chẽ với nhau tạo nên một trong những cơ sở quyết định sự thành công hay thất bại. Đây là vấn đề có tính quy luật, không chỉ xuất phát từ những suy luận hay khái quát lý luận mà được chứng minh trong thực tiễn lịch sử. Ở nước ta, một loạt cuộc vận động cách mạng trước khi Đảng Cộng sản ra đời đều thất bại. Nguyên nhân của sự thất bại

nằm ở cả sự sai lầm trong xác định mục tiêu cũng như chọn sai con đường để thực hiện mục tiêu. Đi sang hướng đông “tâm sư học đạo” và tìm kiếm sự ủng hộ của các thế lực nước ngoài, hay khởi nghĩa vũ trang với những vũ khí thô sơ, nguồn lực nhỏ bé nhằm chống giặc ngoại xâm rồi xây dựng xã hội theo khuôn mẫu cũ với vua hiền, tôi trung, tất cả đều không thắng nổi sự trấn áp của chính quyền thực dân và thế lực phong kiến. Mục tiêu đã sai thì không thể lay động, lôi cuốn nhân dân, tập hợp thành lực lượng mạnh mẽ để dành thắng lợi trong đấu tranh. Con đường và phương pháp đấu tranh quá cũ, không phù hợp với hoàn cảnh đương thời, lại bị những rào cản bởi nhận thức sai lầm về mục tiêu, nên hầu như thất bại đã được báo trước. Đối với các mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu và Trung Âu, việc chọn mục tiêu chủ nghĩa xã hội là đúng đắn nhưng con đường thực hiện lại sai lầm; do buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản; lơ là cảnh giác cách mạng; quan liêu, xa rời nhân dân; bảo thủ, thiếu phát triển sáng tạo nhận thức lý luận trong

điều kiện thực tế đã thay đổi, v.v.. mà dẫn tới đổ bể, cho dù đã có những thành tựu to lớn chưa từng có trong lịch sử loài người.

Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ ràng trong Chánh cương là: “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Từ mục tiêu khái quát ấy, Đảng Cộng sản đề ra những mục tiêu cụ thể về các phương diện xã hội, chính trị, kinh tế hướng đến đánh đổ “đế quốc chủ nghĩa và bọn phong kiến”, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, mang lại tự do, bình đẳng cho nhân dân. Đồng thời, “Đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp”. Như vậy, đường lối cách mạng dân tộc của Đảng ngay từ đầu đã gắn bó chặt chẽ giữa mục tiêu độc lập dân tộc với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữa xây dựng lực lượng trong nước kết hợp với sức mạnh của các lực lượng cách mạng trên thế giới. Đường lối ấy đã trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, thành cơ sở vững chắc, ngọn nguồn quyết định cho sức mạnh đời



non lớp biển của cách mạng. Trong suốt quá trình đấu tranh vì độc lập tự do của Tổ quốc, trên cơ sở nền tảng ban đầu ấy, đường lối cách mạng của Đảng ta đã không ngừng bổ sung, hoàn thiện, cụ thể hóa thành các chủ trương, chính sách, giải pháp cụ thể, để lãnh đạo nhân dân ta làm nên Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng lấy địa cầu, Đại thắng mùa Xuân 1975 làm sụp đổ hệ thống thực dân mới, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc trước những thế lực phản bội, đưa đất nước tiến vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, chúng ta bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với hành trang quá nghèo nàn và trong điều kiện khó khăn chồng chất lên khó khăn. Đất nước bị tàn phá nặng nề sau

hơn 30 năm chiến tranh. Nền kinh tế nông nghiệp vốn đã lạc hậu, manh mún lại thiếu thốn về giống, phân bón, công cụ sản xuất, đất sản xuất thì ô nhiễm bom, mìn, chất độc. Công nghiệp nhỏ bé lại lâm vào khó khăn về điện, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu máy móc, phụ tùng thay thế. Gánh nặng hậu quả chiến tranh về con người với hàng triệu bị nhiễm chất độc màu da cam, người thương tật do chiến tranh cùng sự chia rẽ phức tạp trong mối quan hệ xã hội đè nặng lên cả đất nước. Bên ngoài, các thế lực đế quốc cấu kết với một số kẻ phản bội thực hiện bao vây cấm vận. Đặc biệt, sau khi chủ nghĩa hội

hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông và Trung Âu sụp đổ, chúng ta không chỉ mất đi những nguồn hỗ trợ quan trọng về kinh tế, kỹ thuật, mà khó khăn, phức tạp hơn lại là sự suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội.



Bằng sự kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội, dựa vào thành trì nhân dân, lấy lòng dân làm cơ sở chính trị, Đảng ta đã “luôn luôn trăm trở, suy nghĩ, tìm tòi” để vận dụng và phát triển sáng tạo những nguyên lý của nghĩa Mác – Lê nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, trong bối cảnh đã thay đổi của thế giới, dần dần hoàn thiện đường lối Đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước. Trung tâm của đường lối Đổi mới là mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam đã được xác định cơ bản từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) và được bổ sung, hoàn thiện thêm trong Cương lĩnh năm 2011. Theo Cương lĩnh 2011, mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam được xác định theo ba mảng nội dung:

*Thứ nhất*, mục tiêu chung, khái quát của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đó là 5 giá trị căn cốt, quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo nên nền tảng và sự bảo đảm bền vững cho hạnh phúc của nhân dân, hạnh phúc của con người. Đó là sự tiếp thu chọn lọc những giá trị tiến

bộ nhất của những cuộc cách mạng trên thế giới kết hợp với khát vọng ngàn đời của dân tộc ta. Đó cũng là mục đích cao cả, tối thượng của chủ nghĩa xã hội và của cuộc cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

*Thứ hai*, nội dung “nội trị” hay đường lối đối nội. Đó là một chế độ xã hội “do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”. Những đặc trưng “nội trị” trên phản ánh sự nhận thức đúng đắn của Đảng ta về những quy luật chung của lịch sử phát triển xã hội loài người, nhất là những thay đổi mạnh mẽ và những vấn đề lớn đang đặt ra trong thế giới đương đại. Cùng với đó là sự vận dụng hợp lý, sáng tạo vào điều kiện, tình hình cụ

thể của Việt Nam theo tinh thần “đi bất biến, ứng vạn biến”. Điểm hội tụ trung tâm của toàn bộ nội dung “nội trị” là nhân dân, nhân dân là chủ nhân của chế độ, chủ thể của công cuộc xây dựng và hạnh phúc của nhân dân là mục đích tối thượng. Mọi bộ phận, thành tố trong xã hội dù có xây dựng, vận hành theo hình thức và cơ chế nào cũng đều hướng tới hạnh phúc của nhân dân và sự phát triển tự do, toàn diện của con người. Với ý nghĩa đó, nội dung “nội trị” trong mô hình chủ nghĩa xã hội mang đặc trưng riêng có Việt Nam và chỉ có Việt Nam.

*Thứ ba*, nội dung đối ngoại của mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam là: “có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Đây là cơ sở cho đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, có hiệu quả cao. Mục đích của đường lối ngoại giao là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, nâng cao vị thế, uy tín đất nước trên trường quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, tiến bộ của cả thế giới. Đó cũng chính là điều kiện bảo đảm cho sự thành công của công cuộc xây dựng, phát triển đất

nước, thể hiện tính chất tốt đẹp của chế độ, vai trò tích cực, có trách nhiệm của Nhà nước ta với cộng đồng quốc tế. Đường lối đối ngoại này là sự phát triển sáng tạo riêng có của Việt Nam, không lệ thuộc và không lặp lại đường lối của bất cứ nhà nước nào khác, nhất là những quốc gia tự nhận là chủ nghĩa xã hội nhưng lại thực hiện những chính sách đối ngoại bá quyền đối với các dân tộc khác.

Mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam là thành tựu nhận thức lý luận quan trọng của Đảng, đồng thời là kết quả đúc kết từ thực tiễn sáng tạo sinh động của nhân dân, thể hiện tư tưởng, nguyện vọng và ý chí của cả dân tộc. Cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế chưa từng có mà đất nước ta đạt được sau 35 năm thực hiện đường lối Đổi mới của Đảng là minh chứng thuyết phục nhất cho sự đúng đắn, sáng tạo của mô hình đó đó. Những thành tựu to lớn đó cũng là minh chứng không thể rõ ràng hơn cho vai trò lãnh đạo của Đảng, đã sáng suốt hoạch định đường lối và tổ chức thắng lợi đường lối xây dựng, phát triển đất nước ■

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - MỘT ĐỘT PHÁ LÝ LUẬN RẤT CƠ BẢN VÀ SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG TA

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

Trong bài viết “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có những tổng kết sâu sắc về sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng và thành tựu phát triển đất nước trong 35 năm đổi mới vừa qua; trong đó, có đánh giá hết sức quan trọng là “Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới... Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường... Đây không

phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ”. Trong bài viết này, chúng tôi muốn góp phần cung cấp những thông tin, luận cứ để hiểu đúng đắn, đầy đủ tổng kết sâu sắc, quan trọng hết sức cô đọng này.

1. Công cuộc đổi mới được thực hiện ở đất nước ta 35 năm qua đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế như ngày nay, bắt đầu từ những đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở cho những đổi mới trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ngày nay, đổi mới được

tiến hành đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, nhưng đầu tiên, đổi mới được bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, từ việc xóa bỏ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, đổi lập, phủ nhận kinh tế thị trường, cản trở sự phát triển đã tồn tại kéo dài nhiều năm, đưa nước ta vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng những năm 80 của thế kỷ trước. Không chỉ ở nước ta, cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp cũng là nguyên nhân sâu xa đưa Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước kia rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, đi đến sụp đổ. Điều này lại có nguyên nhân bắt nguồn từ những sai lầm trong nhận thức lý luận cho rằng kinh tế thị trường là đặc trưng riêng có của chủ nghĩa tư bản, đồng nhất kinh tế thị trường với kinh tế tư bản chủ nghĩa, và cho rằng chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội cao hơn, ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản, do đó, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản hay bỏ qua chủ nghĩa tư bản thì phải xóa bỏ hay bỏ qua kinh tế thị trường để xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp; kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp là cao hơn, ưu việt hơn

kinh tế thị trường, mới là cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Song, chính đây là nhận thức, quan điểm chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Lịch sử phát triển của xã hội loài người cho thấy, khi con người vượt qua giai đoạn săn bắt và hái lượm để sinh tồn, bước vào giai đoạn trồng trọt và chăn nuôi, tức là có sản xuất, thì có hai động lực để phát triển, đó là chế độ tư hữu và phân công lao động. Khi có tư hữu và có phân công lao động thì nảy sinh quan hệ trao đổi, sản phẩm trở thành hàng hóa, ra đời sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, trong các xã hội mà phần đông người lao động còn bị lệ thuộc về thân thể vào các ông chủ, các chủ nô hay chúa phong kiến, chưa được tự do về thân thể, chưa được quyền bán sức lao động của mình, thì kinh tế hàng hóa chưa có điều kiện phát triển mạnh, kinh tế tự cấp tự túc còn chiếm tỷ trọng lớn. Tư bản ra đời trong lòng xã hội phong kiến, khi có những người tự do bán sức lao động cho người có tiền mua về để làm việc cho mình, sản xuất kinh doanh hàng

hóa, làm giàu. Đây là kiểu quan hệ sản xuất tiến bộ hơn do đó thúc đẩy sự tan rã của quan hệ “phát canh, thu tô” phong kiến đã lỗi thời. Ra đời trên cơ sở sản xuất hàng hóa, tư bản thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển; sản xuất và trao đổi hàng hóa trở thành phổ biến trong xã hội, làm hình thành và phát triển kinh tế thị trường. Trong kinh tế thị trường, mỗi người sản xuất kinh doanh được tự quyết định sản xuất kinh doanh cái gì, bằng cách nào với chi phí riêng của mình, nhưng khi đưa hàng hóa ra thị trường, giá cả hàng hóa lại do quan hệ cạnh tranh cung - cầu trên thị trường quyết định, làm cho người sản xuất kinh doanh có thể có lãi nhiều hay lãi ít, thậm chí thua lỗ, không bù đắp được chi phí đã bỏ ra, có thể trở nên giàu có hoặc bị phá sản. Điều này đưa đến những hệ quả rất quan trọng: (1) Người sản xuất kinh doanh phải điều chỉnh hoạt động của mình theo các tín hiệu của thị trường, thị trường trở thành yếu tố điều tiết các hoạt động kinh tế của xã hội một cách tự động, nhạy bén, linh hoạt và (2) Cơ chế này tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy người sản xuất kinh doanh phải năng động, sáng tạo,

không ngừng vươn lên, không ngừng đổi mới để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, do đó, một cách khách quan, thúc đẩy xã hội phát triển. Đây là vai trò tích cực, là sứ mệnh lịch sử của kinh tế thị trường. Từ kinh tế tự nhiên, sản xuất tự cấp tự túc phát triển thành sản xuất hàng hóa, từ sản xuất hàng hóa trở thành kinh tế thị trường là những quá trình phát triển khách quan, tất yếu, theo hướng tiến bộ của xã hội loài người, là sự phù hợp của quan hệ sản xuất với sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Tư bản là một kiểu quan hệ sản xuất, là quan hệ giữa những người bán sức lao động của mình, đi làm thuê và những người có tiền, mua sức lao động sử dụng vào các hoạt động sản xuất kinh doanh để làm giàu. Chủ nghĩa tư bản là một chế độ xã hội mà ở đó quan hệ sản xuất tư bản là quan hệ phổ biến, chi phối trong xã hội. Sự ra đời, phát triển của tư bản, của chế độ tư bản là một tất yếu khách quan trong lịch sử phát triển của nhân loại, là một tiến bộ xã hội so với các xã hội trước chế độ tư bản; vai trò tích cực của nó là tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế, thúc đẩy xã hội phát triển. Tư bản

ra đòi trên cơ sở sản xuất hàng hóa, lấy quan hệ hàng hóa - tiền tệ làm cơ sở cho sự tồn tại, vận động, phát triển của mình; đồng thời, thúc đẩy quan hệ sản xuất hàng hóa phát triển, trở thành kinh tế thị trường; nhưng tư bản, những quan hệ sản xuất của tư bản và các quan hệ của sản xuất hàng hóa, của kinh tế thị trường không phải là một. Sản xuất hàng hóa ra đòi trên cơ sở chế độ tư hữu và phân công lao động xã hội; tư bản ra đòi trên cơ sở có những người cần bán sức lao động và những người có tiền cần mua sức lao động để sản xuất kinh doanh, làm giàu. Quan hệ hàng hóa - tiền tệ là quan hệ giữa những người sản xuất độc lập, bình đẳng. Tư bản là quan hệ không bình đẳng giữa người bán sức lao động và người đã bỏ tiền ra mua anh ta, giữa người làm thuê và người chủ của hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, không thể đồng nhất, mặc nhiên cho rằng kinh tế thị trường là kinh tế tư bản chủ nghĩa và tính chất tư bản chủ nghĩa là yếu tố vốn có, bản chất của kinh tế thị trường. Sự phát triển của kinh tế thị trường ở các nước tư bản trong hơn 300 năm qua là minh chứng cho thấy rõ điều này.

Kinh tế thị trường ở các nước tư bản đương nhiên là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, bởi ở đây, tư bản là lực lượng chi phối, thống trị. Tuy nhiên, trong lịch sử phát triển hơn 300 năm qua của nền kinh tế thị trường tư bản, nhiều thay đổi đã diễn ra, đã xuất hiện nhiều mô hình kinh tế thị trường khác nhau, vẫn là kinh tế thị trường những tính chất tư bản chủ nghĩa của nó đã có những thay đổi. Nền kinh tế thị trường ban đầu là kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, rất ít có sự can thiệp của nhà nước. Nền kinh tế này, một mặt, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế; nhưng mặt khác, liên tục gây ra các cuộc khủng hoảng chu kỳ, sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc trong xã hội, tạo ra những xung đột xã hội và dẫn tới ra đời các tổ chức độc quyền, cản trở sự phát triển. Những điều này đòi hỏi phải có sự can thiệp, điều tiết của nhà nước để khắc phục, hạn chế những tác động tiêu cực này, duy trì sự ổn định để phát triển. Sau cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933 trong thế giới tư bản, học thuyết kinh tế thị trường cần phải có sự can thiệp, điều tiết của nhà nước được thừa nhận, có

ảnh hưởng và được thực hiện rộng rãi. Nền kinh tế ở tất cả các nước tư bản phát triển cho đến nay đều là những nền kinh tế thị trường có quản lý của nhà nước. Do nhà nước ở các nước này vẫn do các tập đoàn tư bản chi phối, bảo vệ lợi ích của tư bản, nên tuy có làm giảm được tác động tiêu cực của các cuộc khủng hoảng, phân hóa, xung đột xã hội, tạo môi trường cho kinh tế tiếp tục phát triển, nhưng không thể ngăn ngừa, khắc phục triệt để được những hiện tượng này mà những hiện tượng này vẫn diễn ra ở những hình thức khác nhau, mức độ khác nhau.

Ngày nay, trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, nhất là ở các nước tư bản phát triển, còn xuất hiện nhiều hiện tượng mới có tác động tới tính chất tư bản chủ nghĩa của kinh tế thị trường. Đó là sự phát triển ngày càng mạnh mẽ, phổ biến của các công ty cổ phần. Các tập đoàn kinh tế, các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia đầu tư, hoạt động ở nhiều nước, trên quy mô toàn cầu, công ty cổ phần trở thành hình thức tổ chức phù hợp, đáp ứng được yêu cầu. Trong các công ty cổ phần, ngoài các thành viên sáng lập,

một số thành viên nắm giữ số cổ phần lớn, nắm vai trò quản lý công ty, còn có đông đảo cổ đông phân tán, trong đó có cả những người lao động. Ngay từ cuối thế kỷ 19, khi xuất hiện những công ty cổ phần đầu tiên trên thế giới, Các Mác đã đánh giá đây là bước tiến, một sự phủ định đối với tư bản tư nhân, dù rằng vẫn trong khuôn khổ chế độ tư bản, chưa làm thay đổi được bản chất tư bản của các quan hệ kinh tế. Thứ hai là, ở các nước tư bản phát triển, trong bối cảnh trình độ dân trí, nhận thức chính trị, xã hội của nhân dân ngày càng cao, các đảng chính trị lớn, mặc dù vẫn bị chi phối bởi tầng lớp giàu có, bởi các tập đoàn tư bản, nhưng rất cần phải có được sự ủng hộ của nhân dân trong các cuộc bầu cử để trở thành đảng cầm quyền, do đó, phải có sự quan tâm nhất định đến nguyện vọng, lợi ích của nhân dân. Nhà nước ở các nước tư bản phát triển, theo đó, cũng ngày càng quan tâm, chú ý nhiều hơn đến lĩnh vực xã hội, tới việc làm, tiền lương tối thiểu, điều kiện làm việc của người lao động, tới chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, những người yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn... Tùy theo mức



độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường, nội dung và cách thức can thiệp của nhà nước mà hình thành nên những nền kinh tế thị trường khác nhau (hay mô hình khác nhau của kinh tế thị trường) trong các nước tư bản phát triển, như: *kinh tế thị trường tự do*, sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế thị trường có giới hạn (mô hình kinh tế thị trường của Mỹ, Anh); *kinh tế thị trường xã hội*, nhà nước can thiệp vào kinh tế thị trường tạo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội, tạo công bằng xã hội (mô hình kinh tế thị trường Đức); *kinh tế thị trường phúc lợi*, nhà nước quan tâm xây dựng, phát triển hệ thống phúc lợi xã hội cho người lao động (mô hình kinh tế thị trường ở các nước Bắc Âu); *kinh tế thị trường nhà nước phát triển*, nhấn mạnh vai trò kiến tạo, thúc đẩy phát triển của nhà nước (mô hình kinh tế thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc). Đã có nhiều phân tích, đánh giá, có những ý kiến khác nhau về các mô hình kinh tế thị trường này, nhưng đều cho rằng đó là những điều chỉnh, thích ứng của nhà nước tư bản, của chế độ tư bản để tồn tại, phát triển

trong bối cảnh mới của thời đại, dù chưa làm thay đổi được bản chất của xã hội tư bản, nhưng là những xu hướng tiến bộ. Có phân tích cho rằng trong các xu hướng tiến bộ này có mầm mống của các nhân tố xã hội chủ nghĩa đã hình thành trong lòng xã hội tư bản, quá độ lên chủ nghĩa xã hội thật sự là xu hướng chung của thời đại.

Từ thực tiễn diễn ra trên thế giới và những phân tích nêu trên, có cơ sở khẳng định rằng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một mô hình kinh tế thị trường mới sáng tạo, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới, phù hợp trong thời đại ngày nay.

2. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng được thực hiện 35 năm qua và cũng là một trong những yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào những thành tựu đạt được của đất nước. Tuy nhiên, không phải ngay khi thực hiện đường lối đổi mới, ở Đại hội VI của Đảng (1986), Đảng đã có nhận thức ngay về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà phải qua



quá trình tìm tòi, nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đến Đại hội IX (2001), Văn kiện Đại hội mới khẳng định nền kinh tế mà nước ta xây dựng, phát triển là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa. Từ Đại hội IX của Đảng đến nay, nhận thức, quan điểm của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện rõ và đầy đủ hơn, cả về cơ cấu và cơ chế vận hành, cả ở các cấp vĩ mô và vi mô, quản lý nhà nước và hoạt động của doanh nghiệp, để phát huy được mặt tích cực và ngăn ngừa, khắc phục những khuyết tật của kinh tế thị trường tốt hơn những gì mà các nước tư bản đã làm, để đất nước ta phát triển nhanh bền vững theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đến nay, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội ở nước ta được xác định là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng

Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu: nhà nước, tập thể, tư nhân và nước ngoài, nhiều thành phần, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Quyền sở hữu, quyền tài sản, thu nhập hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước) đều động theo cơ chế thị trường, bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh với nhau theo pháp luật. Kinh tế nhà nước (bao gồm các nguồn lực kinh tế của Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước) được xác định có vai trò chủ đạo với ý nghĩa là công cụ (cùng với luật pháp, chính sách) để nhà nước điều tiết, thúc đẩy, định hướng phát triển của nền kinh tế, không phải là chèn ép, lấn át các thành phần kinh tế khác. Kinh tế tập thể, hình thành trên cơ sở liên kết tự nguyện của những người, những cơ sở kinh tế sản xuất kinh doanh nhỏ, để hỗ trợ họ hoạt động, phát triển, có

thêm sức mạnh khi tham gia thị trường có các chủ thể kinh tế lớn. Kinh tế tư nhân được xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển ở các ngành, lĩnh vực có lợi cho quốc tế, dân sinh, trở thành những tập đoàn kinh tế lớn, đầu tư cả trong và ngoài nước. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế được khuyến khích đầu tư vào những ngành, lĩnh vực, những dự án có trình độ công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, có chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước, giúp doanh nghiệp trong nước tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức xã hội, của nhân dân. Thị trường, với sự vận hành đầy đủ, đồng bộ của các quy luật của kinh tế thị trường, đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu

kém. Nhà nước có vai trò là ban hành luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức, những quy trình, xây dựng và hoàn thiện thể chế, và kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện những quy định đã ban hành; đồng thời, sử dụng các lực lượng kinh tế của nhà nước để điều tiết, định hướng hoạt động, phát triển của nền kinh tế. Các tổ chức xã hội giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ công chức nhà nước, giám sát hoạt động của doanh nghiệp, của thị trường; đồng thời phản ánh với nhà nước nguyện vọng của các thành viên hội viên, các tác động, ảnh hưởng việc xây dựng luật pháp, chính sách của nhà nước và vận động thành viên, hội viên thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của họ, có tác động, ảnh hưởng tới thị trường qua đó, ảnh hưởng tới nền kinh tế. Quan hệ phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phân phối theo kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa phân phối theo lao động, vừa theo mức đóng góp vốn và các yếu tố sản xuất khác, đồng thời phân phối thông qua an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Với cơ cấu, cơ chế vận hành, cơ chế phân phối như vậy, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế phù hợp với thông lệ, tiêu chí chung trên thế giới ngày nay, kế thừa những thành tựu phát triển của kinh tế thị trường thế giới hơn 300 năm qua; đồng thời, có những đặc thù, tính chất riêng, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và thực tiễn của đất nước, tạo nên và bảo đảm định hướng phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội của nền kinh tế. Đây thực sự là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường. Nền kinh tế này không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, các yếu tố vốn mang tính chất tư bản chủ nghĩa được quản lý, điều tiết, chuyển hóa, nhưng cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ, các yếu tố xã hội chủ nghĩa đã, đang hình thành, phát triển; nền kinh tế đang định hướng, quá độ, từng bước đi tới chủ nghĩa xã hội.

Yếu tố đặc thù tạo nên tính chất riêng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế

thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường nhưng có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế, thị trường điều tiết sản xuất và lưu thông. Song, kinh tế tư nhân và thị trường đều phải tuân thủ luật pháp, chính sách của nhà nước, hướng tới và đóng góp vào thực hiện những mục tiêu do luật pháp, chính sách đề ra. Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển thành những tập đoàn kinh tế mạnh, hoạt động cả ở trong nước và nước ngoài, nhưng cũng được khuyến khích phát triển thành các công ty cổ phần, có sự tham gia rộng rãi của người lao động, tích cực tham gia, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Quan hệ phân phối vừa được thực hiện theo mức đóng góp vốn và các yếu tố sản xuất, nhưng đồng thời vừa được thực hiện theo lao động và thông qua an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Sự quan tâm đến lĩnh vực xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội

trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam được đặt ra mạnh hơn, cao hơn, đầy đủ hơn so với các nền kinh tế thị trường xã hội và kinh tế thị trường phúc lợi của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam đòi hỏi phải gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng chính sách, từng bước phát triển, phù hợp với trình độ phát triển của đất nước trong từng thời kỳ. Các vấn đề xã hội, những vấn đề liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân, đời sống vật chất; tinh thần của nhân dân ở nước ta phải được quan tâm hơn, được giải quyết tốt hơn, đạt chỉ số cao hơn nước có trình độ phát triển kinh tế, có thu nhập bình quân đầu người như nước ta. Vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng lớn hơn, mạnh mẽ hơn so với vai trò của Nhà nước trong mô hình kinh tế thị trường nhà nước phát triển ở các nước tư bản hiện đại. Trong nền kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước vừa ban hành luật pháp, chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đồng thời, còn có khu vực kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để quản lý, điều tiết, định hướng, thúc đẩy nền kinh tế phát triển, gắn kết mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Đây là một yếu tố quan trọng để những nước đi sau đẩy nhanh sự phát triển, thu hẹp khoảng cách và đuổi kịp các nước đã phát triển đã đi trước.

Dù còn nhiều vấn đề còn cần tiếp tục làm rõ, nhưng có thể khẳng định rằng: Thời đại ngày nay đã tạo ra khả năng, cơ hội cho một nước chưa phát triển qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, chưa phát triển kinh tế thị trường, có thể phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử kinh tế thị trường, là một đột phá cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới ■

# GẮN KINH TẾ VỚI XÃ HỘI, MỘT THUỘC TÍNH QUAN TRỌNG CỦA ĐỊNH HƯỚNG XHCN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

Nhân kỷ niệm 131 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cuộc Bầu cử Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có bài viết: “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*”, với nội dung chính là tập trung trả lời 4 câu hỏi lớn: CNXH là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường XHCN? Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được CNXH ở Việt Nam? Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên CNXH ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì? Bài viết càng có ý nghĩa hơn, khi năm nay kỷ niệm 110 năm ngày Chủ tịch

Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước và Đảng Cộng sản Việt Nam vừa tổ chức thành công Đại hội XIII, tiếp tục cụ thể hóa con đường đi lên CNXH, chuẩn bị cho 100 năm thành lập Đảng vào năm 2030 và 100 năm thành lập Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2045.

Các vấn đề trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là cơ sở để hình thành lý luận của Việt Nam về CNXH. Bài viết tạo được sự quan tâm lớn của người đọc không chỉ ở cách tiếp cận từng nội dung, sự nhuần nhuyễn trong lập luận, lý giải vấn đề không mới, nhưng cô đọng, hàm chứa ở đó những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng

Việt Nam kết hợp với tinh hoa, tiến bộ mới của nhân loại, do vậy mang tính thuyết phục cao. Có nhiều luận điểm quan trọng được Tổng Bí thư đề cập, ở đó phải kể đến vấn đề “gắn kinh tế với xã hội” được phân tích khi bàn về kinh tế thị trường định hướng XHCN. Khái quát từ tám đặc trưng cơ bản về xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng được nêu trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), để khẳng định: “Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta*, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới”<sup>1</sup>.

Sau khi nhắc lại nội hàm của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam đã được tổng kết, đề cập trong các văn kiện quan trọng của Đảng, từ thực tiễn Việt Nam, Tổng Bí thư khẳng định: “*Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường*”<sup>2</sup>. Rằng đó không phải là nền kinh tế thị trường TBCN và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường XHCN đầy đủ. Đây là một kiểu tổ

chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH. Kinh tế thị trường là một thành quả phát triển, giá trị tinh hoa của nhân loại, có nhiều cấp độ, mô hình khác nhau, tuy đã phát triển cao dưới CNTB, nhưng do bản chất chế độ, cấu trúc xã hội và cơ chế vận hành..., cho nên ở đó, mặc dù đạt được nhiều thành tựu phát triển và đã có điều chỉnh thích nghi, nhưng nhiều vấn đề lớn, căn bản để đi tới một xã hội văn minh, tiến bộ vẫn không giải quyết được. Các vấn đề về khủng hoảng chu kỳ, phân hóa xã hội sâu sắc thậm trí dẫn đến xung đột xã hội ngay ở những nước tư bản phát triển.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam có nhiều thuộc tính, trong đó một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng “*Là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển*”<sup>3</sup>. Đây là luận điểm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc,

được tổng kết, đúc rút từ thực tiễn, trở thành chủ trương, đường lối và cụ thể hóa thành chính sách qua các giai đoạn phát triển ở Việt Nam. Quan điểm này thực sự nhất quán với chủ trương lấy con người làm trung tâm, mọi thành quả phát triển của đất nước cũng là vì con người, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Điều đó được thực hiện ngay từ buổi đầu cách mạng, trong những năm kháng chiến chống giặc ngoại xâm giành độc lập dân tộc và từ khi đất nước độc lập, thống nhất, tiến hành công cuộc đổi mới đến nay. Chúng ta nhất quán thực hiện kể cả những lúc “khó khăn nhất, ngàn cân treo sợi tóc” trong chiến tranh và cho đến ngày nay: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Rõ ràng rằng, đó là thực tiễn Việt Nam, lý luận của Việt Nam.

Quan điểm trên cho thấy, chúng ta không chờ đến khi kinh tế phát triển ở trình độ cao mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Gắn phát triển kinh tế với thực

hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngày từ đầu, trong từng bước đi và từng chính sách phát triển. Tất nhiên, sự gắn kết này phải bảo đảm tính thống nhất hữu cơ, có sở khoa học, không khiên cưỡng và mâu thuẫn, theo đó mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội và mỗi chính sách xã hội phải tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; vừa thúc đẩy giải phóng sức sản xuất xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường. Đây cũng là điều lý giải vì sao Việt Nam, từ một điểm xuất phát thấp, bị chiến tranh tàn phá, trong bối cảnh thế giới với nhiều biến động phức tạp, khó lường vẫn vững vàng, giữ vững ổn định, từng bước thực hiện phát triển nhanh và bền vững, đạt và vượt trước nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.

Trong suốt 35 năm đổi mới, Việt Nam đạt mức tăng trưởng bình quân 7%/năm. Quy mô kinh tế đứng thứ tư trong ASEAN, năm 2020 đạt 342,7 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt 3.512 USD. Tuổi thọ trung bình của người dân từ 62 tuổi năm 1990 lên



73,7 tuổi năm 2020. Năm 2000 cơ bản hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, năm 2010 phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đến nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Chăm sóc sức khỏe, y tế cho người dân luôn được quan tâm, nhất là trong bối cảnh Đại dịch Covid hiện nay, Việt Nam luôn được thế giới đánh giá cao về các biện pháp bảo vệ người dân, chống dịch có hiệu quả. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển. Đời sống văn hóa, tinh thần của người dân luôn được Đảng, Nhà nước chăm lo. Bản sắc văn hóa, các giá trị truyền thống tốt đẹp được gìn giữ, phát huy...

Rõ ràng rằng, thực tiễn thế giới hơn một thế kỷ qua và bối cảnh trong nước hiện nay, đặc biệt là sau biến cố

về sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Đông Âu và Liên Xô trước đây, càng làm cho bài viết của người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam thu hút được sự quan tâm lớn của độc giả trong và ngoài nước. Đánh rằng một bài viết, không thể bao quát hết những vấn đề lý luận về CNXH nhìn từ thực tiễn của Việt Nam, nhưng cần khẳng định, đây là một công trình khoa học rất quan trọng, thể hiện tầm tư duy lý luận cao, sắc bén, mang tính tổng kết thực tiễn sâu sắc, gợi mở ra nhiều vấn đề lý luận cần được đi sâu, làm rõ thể hiện tính độc đáo, sáng tạo của Việt Nam. Những vấn đề lý luận này, còn có ý nghĩa trực tiếp góp phần tiếp tục định hình và định hướng con đường đi lên CNXH phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm cụ thể của Việt Nam, thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong các giai đoạn tiếp theo ■

<sup>1,2,3</sup> GS, TS Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.*



# PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

*Hội đồng Lý luận Trung ương*



**T**rong bài viết “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đề cập đến những vấn đề căn cốt nhất, trong đó có vấn đề phát triển

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

**1. Quan niệm về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Từ nhận thức, quan điểm phù hợp nhận kinh tế thị trường, xem kinh tế thị trường là đặc trưng riêng có của

chủ nghĩa tư bản, đổi lập kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội đến nhận thức kinh tế thị trường là giá trị chung của nhân loại. Từ một nước nghèo, kinh tế kém phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhất định phải phát triển nền kinh tế thị trường, sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đại hội IX của Đảng (2001), lần đầu tiên xác định nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ.

Đại hội XI của Đảng (2011) đã ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu ra 8 phương hướng cơ bản cần quán triệt và thực hiện tốt, trong đó xác định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội XI nêu rõ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một hình thức của kinh tế thị trường, vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc, bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Đến Đại hội XII của Đảng (2016), Đảng ta có bước tiến mới trong nhận thức, quan điểm khi khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế; vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng (2021) xác định: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”<sup>1</sup>.

Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con

đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khái quát chỉ rõ 4 nội dung cốt lõi trong nhận thức về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: *Một là*, Đảng ta đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. *Hai là*, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. *Ba là*, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên

tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. *Bốn là*, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ<sup>2</sup>.

## **2. Các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Từ chỗ chỉ thừa nhận, cho phép tồn tại, phát triển hai hình thức sở hữu là toàn dân (Nhà nước) và tập thể, hai thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, đến nay, đã thừa nhận sự tồn tại khách quan nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.

Đại hội IX của Đảng tuyên bố xóa bỏ mọi phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu, Nhà nước chỉ ưu đãi hoặc hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển. Kinh tế tư nhân được xác định có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. Xóa bỏ độc quyền và đặc quyền của doanh nghiệp nhà nước.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã

hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “*Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các yếu tố thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa... thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng

góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”<sup>3</sup>.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Xác định thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất.

Đại hội XIII của Đảng nêu rõ hơn vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế. Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an ninh; hoạt động theo cơ chế thị trường, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, cạnh tranh

bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Kinh tế tập thể, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Đại hội XIII của Đảng xác định mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội có quan hệ chặt chẽ. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy kinh tế phát triển, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường. Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hoá, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát

sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khái quát 4 quan điểm quan trọng: *Một là*, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. *Hai là*, các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. *Ba là*, quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát

triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội; phúc lợi xã hội. *Bốn là*, Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế<sup>4</sup>.

### **3. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội**

Đại hội IX của Đảng xác định gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) yêu cầu phải nắm vững và giải quyết các mối quan hệ lớn, trong đó có mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Đại hội XII của Đảng xác định: sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.



Đại hội XIII của Đảng tiếp tục xác định: Nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn; trong đó có mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

Trong bài viết, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phân tích sâu sắc về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội: “Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng XHCN trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực

hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không định “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng XHCN”<sup>5</sup>.

Những nội dung cốt yếu trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thể hiện qua bài viết của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ở tầm khái quát lý luận rất cao, rất sâu sắc và toàn diện ■

<sup>1</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.128.

<sup>2,4,5</sup> Xem: GS.TS Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Báo Nhân dân, ngày 16-5-2021.

<sup>3</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.73-74.



# ĐỔI MỚI CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHÁT TRIỂN TƯ DUY SÁNG TẠO TRONG NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

● PGS, TS TRẦN QUỐC TOẢN

*Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*

**1** Trong bài viết nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài viết quan trọng, trong đó đề cập tới những vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đồng chí nêu rõ: “Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một đề tài lý luận và thực tiễn rất cơ bản, quan trọng, nội dung rất rộng lớn, phong phú và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc, tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, khoa học”; “Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Đó là điều mà chúng

ta luôn luôn trăn trở, suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để từng bước hoàn thiện đường lối, quan điểm và tổ chức thực hiện, làm sao để vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam”; “Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”; “Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội”.

Những ý kiến của Tổng Bí thư cho thấy phải có cách tiếp cận đúng, thúc đẩy phát triển tư duy sáng tạo trong nghiên cứu lý luận cũng như trong

lãnh đạo - chỉ đạo thực tiễn phát triển đất nước.

Về vai trò của đột phá đổi mới tư duy lý luận, trong phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng tại lễ công bố quyết định thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2011-2015 cũng đã nêu: “Đột phá về lý luận sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển thực tiễn”. Tại Hội nghị tổng kết công tác nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng Lý luận Trung ương (17-4-2021), Tổng Bí thư chỉ rõ: “Bối cảnh quốc tế và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước trong thời kỳ mới đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục đổi mới tư duy phát triển trên cơ sở phát huy tiềm năng, vị thế, điều kiện thực tiễn của chúng ta, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, thời đại”. Do vậy, “không thể để kéo dài tình trạng còn lạc hậu của lý luận so với sự vận động và đòi hỏi của thực tiễn”, “Lý luận phải vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn”, “phải có tầm nhìn vượt trước”, “phải tạo được những bước đột phá về lý luận phát triển, khai thông những điểm nghẽn về tư duy, nhận thức, quan điểm phục vụ cho việc hoàn thiện thể chế, xây dựng

đường lối, chủ trương, định hướng, chính sách phát triển; khơi dậy khát vọng và phát huy ý chí, quyết tâm vươn lên của cả dân tộc; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra”.

Điều này đặt ra yêu cầu rất cao về tiếp tục đổi mới cách tiếp cận và phát triển tư duy sáng tạo trong công tác nghiên cứu lý luận chính trị trong giai đoạn mới.

## **2. Đặc điểm của công tác nghiên cứu lý luận chính trị**

Công tác nghiên cứu lý luận chính trị gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng, quá trình xây dựng đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước trong mỗi giai đoạn. Do đó, công tác nghiên cứu lý luận chính trị có những đặc điểm sau

- Nghiên cứu lý luận chính trị gắn liền khoa học với chính trị, mục đích chính trị. Không phải khi nào những đề xuất và vận dụng cũng tuân theo “lý luận thuần túy”.

- Nghiên cứu lý luận chính trị thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa khách quan và chủ quan (trước hết là mục tiêu nghiên cứu).

- Nghiên cứu lý luận chính trị phải gắn liền lý luận với thực tiễn, xuất phát từ nhu cầu và điều kiện thực tiễn; đáp ứng và phục vụ yêu cầu phát triển đất nước, bảo đảm hài hòa giữa trước mắt với lâu dài.

- Nghiên cứu lý luận chính trị gắn liền mục đích trước mắt với mục đích lâu dài, và phải có những bước trung gian quá độ.

- Nghiên cứu lý luận chính trị là quá trình đấu tranh, tranh luận lý luận - thực tiễn không ngừng trong quá trình phát triển.

Ở đây có một vấn đề rất hệ trọng đặt ra đối với công tác nghiên cứu lý luận chính trị, đó là nhận thức và tiếp cận như thế nào về lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội (?).

Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu có ba cách tiếp cận về chủ nghĩa xã hội: “chủ nghĩa xã hội là một học thuyết; chủ nghĩa xã hội là một phong trào; chủ nghĩa xã hội là một chế độ”. Nếu tiếp cận nghiên cứu lý luận chính trị chủ yếu theo cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội là một học thuyết đã được định hình với những chỉ dẫn đầy đủ, có sẵn và gắn với đó là một chế độ chính trị - kinh tế - xã

hội tương ứng mang tính lý tưởng cao; không tiếp cận đầy đủ, sâu sắc “chủ nghĩa xã hội là một phong trào hiện thực” (như Mác - Ăngghen đã nhiều lần nhấn mạnh); thì tất yếu sẽ rơi vào chủ quan, duy ý chí, siêu hình, phi thực tế, và sớm hay muộn sẽ phải trả giá. Đây thường là “căn bệnh cố hữu” của cách tiếp cận nghiên cứu lý luận thoát ly thực tiễn, “bắt” thực tiễn phải “khuôn theo” những lý luận giáo điều. Điều này trái với những chỉ dẫn của Mác, Ăngghen và Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời cũng trái với quan điểm của Đảng ta về quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp còn lạc hậu, mà đến nay Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lại một lần nữa tiếp tục nhấn mạnh: “Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội..., nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và

cái mới”. Điều này đặt ra phải khắc phục cách tiếp cận và tư duy siêu hình, đối lập máy móc, giáo điều “các giá trị chủ nghĩa xã hội” với “các giá trị phi chủ nghĩa xã hội” cả trong kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội (ví dụ hiện nay vẫn có những người quan niệm trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ có thành phần kinh tế nhà nước và tập thể mới đóng vai trò phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; còn các thành phần và chủ thể kinh tế khác không góp phần gì cho sự phát triển theo định hướng này. Điều đó cho thấy đã không có sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc quan điểm của Đảng là: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu; các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền KTTT định hướng XHCN của Việt Nam).

Điều này càng khẳng định, nghiên cứu lý luận phải gắn chặt với nền tảng thực tiễn. Nhưng cũng lại cần làm rõ thực tiễn nào (?), trong điều kiện trình độ phát triển của Việt Nam còn thấp

hơn nhiều nước trên thế giới, lại đang đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng hơn. Thực tiễn phát triển của Việt Nam phải đặt và gắn với thực tiễn phát triển của thế giới thông qua các giá trị chung của nhân loại trong quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại”, vì “Trong thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó”; “Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống”. Rõ ràng sự tiếp cận

nghiên cứu lý luận về phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, nhất là trong thời kỳ quá độ lâu dài, phải đứng trên mảnh đất hiện thực của đất nước mình gắn liền với thực tiễn - xu thế phát triển của nhân loại, nhất là của các nước tiên tiến; vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” với những giá trị đặc trưng tốt đẹp của mình.

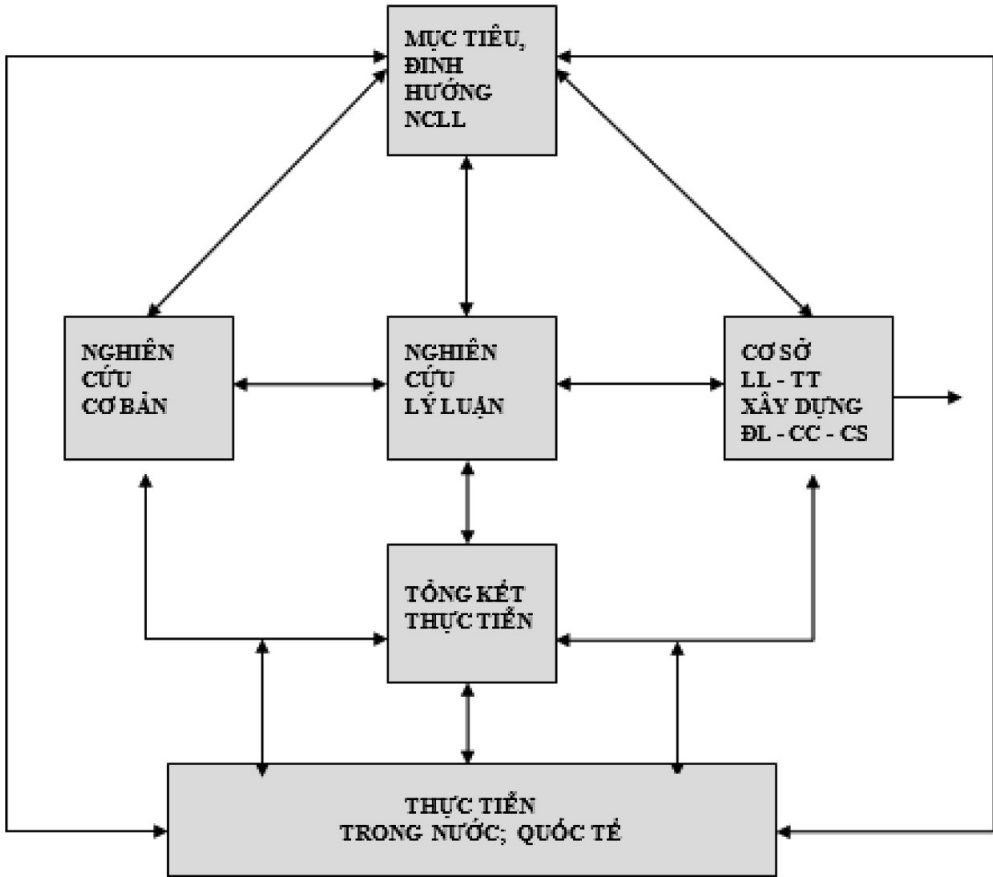
Mặt khác, phương pháp luận, phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu lý luận chính trị có những khác biệt căn bản với công tác tuyên truyền - giáo dục lý luận chính trị. Nếu như công tác tuyên truyền - giáo dục lý luận chính trị lấy “khẳng định”, làm rõ tính đúng đắn của đường lối, chủ trương, chính sách làm nền tảng cốt lõi chủ yếu (đương nhiên không phải là nói “lấy được”, mà phải có cơ sở lý luận, thực tiễn, có tính thuyết phục). Còn nghiên cứu lý luận chính trị không chỉ là “khẳng định”, “thuyết minh” đường lối, chủ trương đã có; mà còn có nhiệm vụ rất quan trọng là phát hiện cái mới, dự báo cái mới, luận chứng cơ sở lý luận - thực tiễn cho đổi mới đường lối, chủ trương,

chính sách phát triển (có thể khác với thực tiễn đang diễn ra). Chính vì vậy, nghiên cứu lý luận chính trị một mặt phải đảm bảo nguyên tắc và trách nhiệm chính trị cao nhất là phục vụ cho sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, lợi ích phát triển của đất nước, đồng thời phải có tinh thần dũng cảm cách mạng - khoa học, có không gian tự do sáng tạo trong nghiên cứu, đề xuất được những nhận thức lý luận mới phù hợp đòi hỏi của thực tiễn, vượt qua những nhận thức, quan điểm, luận điểm hiện hành đã không còn phù hợp (đây không phải là tuyên truyền, phổ biến những nhận thức, quan điểm trái với những nhận thức, quan điểm chính thống hiện hành). Điều đó cũng có nghĩa là trong nghiên cứu lý luận phát triển luôn chứa đựng bản chất cốt lõi tư duy biện chứng, sáng tạo.

### **3. Đề xuất mô hình tổng thể nghiên cứu lý luận chính trị và định hướng đổi mới**

Từ những đặc điểm của nghiên cứu lý luận chính trị xin đề xuất mô hình tổng thể nghiên cứu lý luận chính trị như ở mô hình sau:

### Mô hình tổng thể nghiên cứu lý luận chính trị



Trong đó:

- Mục tiêu, định hướng nghiên cứu lý luận do các cơ quan lãnh đạo, các chủ thể nghiên cứu đặt ra, xác định (đương nhiên phải xuất phát từ yêu cầu khách quan của thực tiễn).

- Nghiên cứu cơ bản chủ yếu do các cơ quan khoa học triển khai; cơ quan nghiên cứu lý luận thực hiện nghiên

cứu cơ bản ở mức độ cần thiết, còn chủ yếu sử dụng kết quả (hay phối hợp với) các cơ quan nghiên cứu khoa học khác.

- Về tổng kết thực tiễn, cơ quan nghiên cứu lý luận chính trị triển khai tổng kết thực tiễn chủ yếu theo góc độ lý luận chính trị; sử dụng kết quả tổng kết thực tiễn của các cơ quan khoa học khác.



*Hội nghị tổng kết nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng Lý luận Trung ương*

*Ảnh: TTXVN*

- Thực tiễn là đối tượng nghiên cứu của lý luận chính trị; nơi ứng dụng các kết quả nghiên cứu lý luận chính trị. Vì thế, thực tiễn phải là điểm xuất phát, đồng thời là điểm đến của nghiên cứu lý luận, cơ chế, chính sách phát triển.

- Cơ sở lý luận - thực tiễn là kết quả nghiên cứu lý luận chính trị để phục vụ cho việc xây dựng đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Từ bản chất, đặc điểm của công tác lý luận, nghiên cứu lý luận và sự thể

hiện qua mô hình tổng thể nghiên cứu lý luận nêu trên, cho thấy định hướng đổi mới chủ yếu là:

- Xác định đúng mục tiêu, định hướng nghiên cứu, vì nó chi phối một cách quyết định nội dung, chương trình, kế hoạch nghiên cứu.

- Hoàn thiện cơ chế gắn nghiên cứu lý luận với nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu lý luận có thể và cần phải dựa vào nghiên cứu cơ bản, nhưng mục tiêu và nội dung của nghiên cứu lý luận có nhiều mặt khác với nghiên cứu cơ bản. Mục tiêu của nghiên cứu



lý luận là luận chứng cơ sở lý luận - thực tiễn để phục vụ cho xây dựng đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước (chưa phải là thiết kế các chính sách cụ thể; đây là nhiệm vụ của giai đoạn cụ thể hóa và thể chế hóa).

- Hoàn thiện cơ chế để nghiên cứu lý luận chính trị phải trên nền tảng gắn liền với nghiên cứu - tổng kết thực tiễn (đặc biệt là làm rõ bản chất, xu thế và cơ chế của sự phát triển) của đất nước và kinh nghiệm của thế giới.

- Xác định rõ yêu cầu nghiên cứu lý luận chính trị là “cầu nối” giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu tổng kết thực tiễn với xây dựng đường lối, chủ trương, các định hướng, cơ chế, chính sách phát triển.

- Nghiên cứu lý luận chính trị (nhất là trong bối cảnh phát triển nhanh, mang tính đột biến và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay) phải mang tính hệ thống, tính tổng hợp rất cao (sự tích hợp của nhiều khoa học, lý thuyết...), vừa đáp ứng những yêu cầu trước mắt vừa đáp ứng những yêu cầu dài hạn; đồng thời đòi hỏi phải có tính định hướng - dự báo cao, tính thích ứng nhanh.

- Các cấp ủy đảng, nhất là những người đứng đầu, phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác lý luận, nghiên cứu lý luận đối với việc nâng cao năng lực và hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và xây dựng cơ chế, chính sách phát triển trên tất cả các lĩnh vực.

Để thực hiện có hiệu quả những nội dung trên, cần quán triệt sâu sắc ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “phải xây dựng được một cơ chế và tạo môi trường thuận lợi để thu hút, tập hợp được đông đảo đội ngũ cộng tác viên, những chuyên gia, những nhà khoa học giỏi, có tâm, có tầm trên tất cả các lĩnh vực của đất nước; mở rộng các hình thức thảo luận, tranh luận, đối thoại lý luận trên tinh thần khoa học, dân chủ, cầu thị; thật sự trân trọng những ý tưởng, những đề xuất lý luận có giá trị, hữu ích cho sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và cho quốc kế dân sinh. Hết sức tránh tư tưởng bảo thủ, cục bộ, võ đoán, quy chụp và cách làm khép kín”; “Phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong nghiên cứu lý luận vì lợi ích của đất nước, dân tộc” ■

# PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC - NHÂN TỐ QUAN TRỌNG CÓ Ý NGHĨA QUYẾT ĐỊNH ĐẾN THẮNG LỢI TRÊN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

● TS NGUYỄN VĂN HÙNG

*Hội đồng Lý luận Trung ương*

**K**ỷ niệm 131 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/2021); 110 năm ngày Người ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 – 5/6/2021); 80 năm ngày Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/1/1941 – 28/1/2021), Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài viết rất quan trọng, rất sâu sắc: “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”<sup>1</sup>. Đồng chí đã khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu

thế phát triển của lịch sử”. Đồng thời, xác định rõ “Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam”. Như chúng ta đã biết, đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc ta, được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Từ khi ra đời, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng việc xây dựng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tầng lớp nhân dân không phân biệt thành phần, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, tập hợp đoàn kết trong Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tạo

nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giành thắng lợi lịch sử trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến cứu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đang tiếp tục phát huy cao độ, trở thành động lực của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là bài học lớn của cách mạng Việt Nam. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”, đang là động lực, kết nối sức mạnh vô địch của toàn dân tộc Việt Nam. Sau 35 năm tiến hành, thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Đồng chí Tổng Bí thư khẳng định: “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, của sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng

Cộng sản Việt Nam; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong công tác dân vận tiếp tục được khẳng định và nâng cao trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước. Mối quan hệ gắn bó giữa Mặt trận và các đoàn thể với các tầng lớp nhân dân ngày càng được củng cố, tăng cường, phát huy. Đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được hoàn thiện và thể chế hóa bằng các chính sách, pháp luật. Các tầng lớp nhân dân chung sức, đồng lòng cùng Đảng, Nhà nước vượt qua khó khăn, thử thách, giữ vững sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân và nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã và đang kế thừa, phát huy truyền thống vẻ vang của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, góp phần to lớn tạo nên sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân; tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối,

chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong xây dựng và phát triển nhanh, bền vững đất nước. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xã hội rộng lớn do Mặt trận và các tổ chức thành viên phát động ngày càng đi vào cuộc sống, được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực. Đặc biệt, các phong trào, cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”; “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; hoạt động bảo vệ biên giới, chủ quyền, biển đảo, phòng chống thiên tai, bão lũ và đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện, lá lành đùm lá rách, các hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư... có tác dụng thiết thực, tạo nên sự gắn kết cộng đồng xây dựng quê hương, đất nước. Đặc biệt, từ đầu năm 2020 đến nay, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, diễn biến rất phức tạp trên toàn cầu và ở Việt Nam, toàn dân ta đoàn kết, đồng lòng thực hiện “chống dịch như chống giặc” để đẩy lùi dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe của nhân dân và ổn định phát triển sản xuất, thực hiện mục tiêu kép được quốc tế đánh

giá cao. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện sâu rộng, đã làm cho tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Người thấm vào các tầng lớp nhân dân, tạo động lực thúc đẩy việc xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết ngay tại địa phương, cơ sở và địa bàn dân cư. *Tuy nhiên*, chúng ta cũng phải nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật là sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi chưa phát huy được vai trò, quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có chủ trương phù hợp. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp có lúc, có nơi chưa sâu sát với các tầng lớp nhân dân và cơ sở, vẫn còn có biểu hiện hành chính hóa, chưa thật thiết thực, hiệu quả. Chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được kịp

thời thể chế hóa, hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa được tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, làm gây nên bức xúc trong một bộ phận nhân dân.

Trước tình hình mới, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia, dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”<sup>2</sup>. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng

định: “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân”<sup>3</sup> trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Động viên và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc luôn gắn liền với yêu cầu mở rộng dân chủ và giữ vững kỷ cương phép nước trong đời sống xã hội.

*Để thực hiện thành công, thắng lợi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”, chúng ta cần tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí, nghị lực và sức sáng tạo của con người Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, theo chúng tôi cần tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:*

Một là, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể cần chăm lo, phát huy và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đề cao vai trò chủ thể, vị

trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước yêu cầu đổi mới, chỉ có mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa mới có đoàn kết thật sự và bền vững. Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp nhân dân thiết thực, hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và chủ động hội nhập quốc tế. Thực hiện và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của các tầng lớp nhân dân.

*Hai là*, đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đoàn kết trong Đảng là

hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, trao đổi, đối thoại, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; tạo nên niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, sự đồng thuận của nhân dân trong xã hội. Tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách để phát huy vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước; bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; khắc phục những hạn chế, bảo đảm tác dụng, hiệu quả thực chất hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; tạo sự đồng thuận trong xã hội và góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; xây dựng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân trong quá trình phát triển đất nước.

*Ba là*, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cần đầu tư, quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp của công nhân. Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp và cải thiện chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp. Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chủ trương của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chăm lo bồi dưỡng và phát huy vai trò của thế hệ trẻ, đội ngũ doanh nhân, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, các cá nhân tiêu biểu, các nhân sĩ, trí thức, người dân tộc thiểu số, các tín đồ, chức sắc tôn giáo và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển nhanh, bền vững đất nước và chủ động hội nhập quốc tế.

*Bốn là*, đoàn kết các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung. Có cơ chế thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã



hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp một cách công khai, minh bạch. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch. Vận động đồng bào các dân tộc phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, tích cực tham gia bảo vệ chủ quyền, biên giới, biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh.

*Năm là*, tiếp tục hoàn thiện và thực thi quy định về đạo đức công vụ trong công tác dân vận, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu, cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang. Đẩy mạnh cải cách hành chính, lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên. Củng cố, kiện toàn về tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các

đoàn thể nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, hướng mạnh về cơ sở; phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo thành phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”; trân trọng, tôn vinh những đóng góp, cống hiến của nhân dân vào công cuộc đổi mới, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; phê phán, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, nhũng nhiễu dân; tăng cường ý thức, tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân.

*Sáu là*, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc bằng Cương lĩnh, chiến lược, các chủ trương chính sách lớn, bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng công tác kiểm tra, giám sát, bằng công tác lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của

Nhà nước. Quy định cụ thể Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Phát huy quyền làm chủ, tinh thần đoàn kết, sức sáng tạo của nhân dân trong công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước. Đổi mới phương thức, phương pháp, lề lối làm việc, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị để thực hiện có hiệu quả những nội dung, nhiệm vụ về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Để thực hiện tốt các nội dung trên, cần quán triệt, thấm nhuần sâu sắc ý kiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không

ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục phát huy mạnh mẽ truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, quyết tâm đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ■

1 Bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Trang Thông tin điện tử, Hội đồng Lý luận Trung ương, đăng ngày 16/5/2021

<sup>2</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.

<sup>3</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.

# PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

● PGS, TSKH TRẦN NGUYỄN TUYÊN

*Hội đồng Lý luận Trung ương*



*Quy hoạch không gian biển hướng tới kinh tế xanh bền vững tại vùng ven biển huyện Thuận Nam, Ninh Thuận \_ Ảnh: TTXVN*

**N**hân dịp kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19/05/2021) và bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

đã có bài viết quan trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Trong bài viết, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, một xã hội như Tổng Bí thư khẳng định: “Sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chú không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm... đó là sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định quan điểm chiến lược phát triển nhanh và bền vững.

Quan điểm này đã được bổ sung hoàn thiện trong quá trình đổi mới và được cuộc sống thực tiễn khẳng định là đúng đắn, khoa học.

### **1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhanh và bền vững**

Ở Việt Nam, xuất phát điểm từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ lạc hậu, bị tàn phá nặng nề sau hơn 30 năm chiến tranh, tụt hậu xa với khu vực và thế giới, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và điều kiện cụ thể của đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đổi mới đã lựa chọn chiến lược phát triển đất nước theo hướng nhanh và bền vững để thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”. Điều này phù hợp với mục đích lý tưởng của Đảng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không vì mục đích tự thân, tôn chỉ của Đảng không có gì khác ngoài việc phụng sự và trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm

cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”<sup>1</sup>.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới được Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI năm 1986 đã mang lại những thành tựu to lớn, làm biến đổi sâu sắc đất nước trên các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội, con người. Trong đó, phải kể đến những thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đi đôi và gắn kết với việc đẩy nhanh tiến bộ và thực hiện công bằng xã hội, phát triển bền vững. Qua 35 năm đổi mới, quan điểm về phát triển nhanh, bền vững được Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển, không ngừng bổ sung và hoàn thiện qua các Đại hội Đảng.

Nếu tại Đại hội VI, Đảng đưa ra quan điểm “Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được”<sup>2</sup> thì đến Đại hội VII (năm 1991), Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 đã xác định: “Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững”; “Tăng trưởng kinh tế, gắn liền với tiến bộ

và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường”.

Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh bài học: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Đại hội IX (năm 2001), Đại hội X (năm 2006) tiếp tục khẳng định quan điểm: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”.

Đại hội XI (năm 2011) chỉ rõ: phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và rút ra bài học: “ Phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. Tăng cường huy động, gắn với sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước”; “Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”<sup>3</sup>.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) đã tổng kết 30 năm đổi mới ở Việt Nam trên cơ sở kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra, đã có bước phát triển

mới về nhận thức với sự khẳng định: “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở bền vững kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước”<sup>4</sup>. “Phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc); giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”<sup>5</sup>.

Cụ thể hóa quan điểm của Đại hội XII, Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về đổi mới mô hình tăng trưởng đã xác định “đổi mới mô hình tăng trưởng để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Không thúc đẩy tăng trưởng bằng mọi giá, gây

tác động xấu đến ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm quốc phòng an ninh, tiến bộ công bằng xã hội, giữ gìn môi trường sinh thái.

Nhằm cụ thể hóa nội dung, giải pháp thúc đẩy phát triển công bằng và bền vững, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ban hành Nghị quyết về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; Nghị quyết về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trong đó xác định việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; xác định kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ trong điều kiện hội nhập quốc tế. Xác định một mục tiêu quan trọng đến năm 2020 là phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa nhằm “bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh



tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững”<sup>6</sup>.

Qua quá trình đổi mới, từ những thành tựu cũng như những hạn chế khuyết điểm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra một số bài học quan trọng, trong đó có bài học đầu tiên là: Trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ rõ: Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; đảm

bảo quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Trong điều kiện mới, dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển rất nhanh, văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ những nội dung mới: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”. Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số”.

Trước những yêu cầu, đòi hỏi mới của thực tiễn, Đại hội XIII bổ sung nhiều nhận thức, định hướng mới



trong quan điểm về thể chế phát triển, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hình thành các mô hình kinh tế mới, phát triển các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 đã xác định: “Với cải cách nâng cao chất lượng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả, là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai. Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới. Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật kỷ cương. Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực của nền kinh tế”.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm đặt con người vào vị

trí trung tâm của chiến lược phát triển, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển, xác định một trong những mối quan hệ lớn cần tiếp tục quán triệt và xử lý tốt là quan hệ “giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”.

Như vậy nhận thức, quan điểm về phát triển nhanh và bền vững của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa có sự kế thừa nhận thức và xu hướng phát triển chung của thế giới vừa có sự vận dụng, bổ sung, phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trong điều kiện của Việt Nam, giữa phát triển công bằng và bền vững có mối quan hệ hữu cơ với nhau, tác động qua lại với nhau: công bằng xã hội là một tiêu chí bảo đảm và phản ánh mức độ phát triển bền vững; ngược lại, phát triển bền vững là điều kiện có ý nghĩa nền tảng, bảo đảm thực hiện công bằng xã hội. Giải quyết hài hòa mối quan hệ này giữa phát triển công bằng và bền vững phản ánh tính ưu việt, chủ nghĩa nhân văn cao cả của chủ nghĩa xã hội

mà Việt Nam đang xây dựng. Mặt khác, giữa phát triển nhanh và bền vững cũng có mối quan hệ biện chứng hữu cơ với nhau: Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo điều kiện, nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam chú trọng thúc đẩy tăng trưởng bao trùm, tận dụng cơ hội lớn do kỷ nguyên số đem lại, đặt người dân vào trung tâm của phát triển, hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật theo tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau. Chính phủ Việt Nam chủ trương xây dựng chính phủ kiến tạo phát triển, chú trọng tăng trưởng bền vững bao trùm, khuyến khích tinh thần mạnh mẽ khởi nghiệp, sự năng động, sáng tạo, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, thực hiện chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định các mục tiêu cụ

thể những dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước trong các thập niên sắp tới:

- *Đến năm 2025*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- *Đến năm 2030*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- *Đến năm 2045*: Trở thành nước phát triển thu nhập cao.

## **2. Kết quả đạt được trong phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam**

Triển khai chủ trương chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nhanh và bền vững, qua 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, thực hiện tốt mục tiêu Thiên niên kỷ, mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên Hợp quốc.

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện không ngừng, sự nghiệp xóa đói giảm nghèo đạt được kết quả rõ rệt và được thế giới thừa nhận, việc bảo vệ môi trường được quan tâm và có

nhiều cải thiện, dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng, quốc phòng an ninh được giữ vững, chính trị xã hội ổn định. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, mỗi năm phải nhập cả triệu tấn lương thực, đến nay, Việt Nam đã vươn lên thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, Việt Nam đã bước vào nhóm các nước có thu nhập bình quân đầu người vào mức trung bình của thế giới.

Năm 2020, theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, quy mô nền kinh tế Việt Nam nằm trong топ 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới và đứng thứ 4 trong ASEAN. GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.512USD (tính theo sức mua tương đương đạt khoảng 10.000USD). Mặc dù chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, song Việt Nam nằm trong топ 10 quốc gia tăng trưởng cao nhất thế giới (là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới). Việt Nam là nền kinh tế mở với độ mở cao của thế giới khoảng 200% GDP. Hiện nay về đối ngoại, Việt Nam có quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia; có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với trên

224 nước và vùng lãnh thổ; nước ta đã ký 15 Hiệp định FTA, có 16 đối tác chiến lược.

Trong thời gian qua, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có môi trường kinh tế vĩ mô, chính trị - xã hội ổn định, thuận lợi. Năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 xếp thứ 67/141, tăng 10 bậc so với năm 2018. Về chỉ số phát triển con người và phát triển bền vững: Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam lọt vào nhóm các nước phát triển con người cao và xếp vào thứ 117/189 quốc gia (trong giai đoạn 1990-2019, giá trị HDI của Việt Nam đã tăng gần 46%).

Đúng như đánh giá của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết: “Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện. Những thành tựu đổi mới ở Việt Nam đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng XHCN không

những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ XHCN ở nước ta”.

Những kết quả đạt được này đã tạo nên không khí phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ

nghĩa đang được nhân lên và lan rộng khắp cả nước.

Trong thời gian tới, để thực hiện quan điểm phát triển nhanh bền vững trong bối cảnh mới, Đảng ta xác định chủ đề chiến lược là: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao ■

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.289.

<sup>2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới*, p.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.40.

<sup>2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.21.

<sup>3,4,5</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr.270, 87, 104.